

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT BAN MAI

GTTC
Công nghệ môi trường

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của: Cơ sở sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

GTTC
Công nghệ môi trường

GTTC
Công nghệ môi trường

GTTC
Công nghệ môi trường

Quản giữ và tái tạo giá trị

Hải Phòng, tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT BAN MAI

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của: Cơ sở sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

CHỦ DỰ ÁN



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Tuấn

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Đại

Hải Phòng, tháng 03 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
MỞ ĐẦU.....	5
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	7
1. Tên chủ dự án đầu tư:	7
2. Tên dự án đầu tư:	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:	8
3.1. Công suất của dự án đầu tư:	8
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:	8
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:.....	9
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:	11
5.1. Tiến độ thực hiện Dự án:.....	11
5.2. Quy mô các hạng mục công trình	11
CHƯƠNG 2.....	13
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,.....	13
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	13
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):	13
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:.....	13
CHƯƠNG 3.....	15
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	15
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:	15
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	15
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án: ..	16
3.1. Các vị trí lấy mẫu.....	16
3.2. Kết quả đo đạc, phân tích.....	16
CHƯƠNG 4.....	20
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ.....	20
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	20
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:.....	20

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	20
2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:.....	20
2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn:.....	24
2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, đảm bảo quy định kỹ thuật về môi trường:	28
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:	29
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	31
3.1. Danh mục công trình và Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.....	31
3.2. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.	32
3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường	33
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:.....	34
CHƯƠNG 5.....	35
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	35
5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	35
5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không phát sinh	38
5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	38
5.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải.....	39
5.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường	41
5.6. Kinh phí dự trù đối với các hoạt động môi trường.....	42
5.7. Thời gian xin cấp phép:.....	42
CHƯƠNG 6.....	43
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	43
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	43
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	44
CHƯƠNG 7:.....	45
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	45

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Các thông số môi trường

BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	Nhu cầu oxy hóa học
TSS	Tổng hàm lượng chất rắn lơ lửng

Các tiêu chuẩn

QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Sản phẩm của Dự án	9
Bảng 2. Nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất của Dự án	10
Bảng 3. Danh mục máy móc phụ vụ dự án	10
Bảng 4: Nhu cầu sử dụng nước của Dự án.....	10
Bảng 5. Tổng hợp nhu cầu sử dụng điện nước tại Công ty	11
Bảng 6. Quy mô các hạng mục nhà xưởng	12
Bảng 7. Các vị trí lấy mẫu khu vực dự án.....	16
Bảng 8. Kết quả phân tích mẫu không khí khu vực sản xuất	16
Bảng 9. Kết quả phân tích mẫu không khí xung quanh	17
Bảng 10. Kết quả phân tích mẫu nước thải	18
Bảng 11. Kết quả phân tích mẫu mặt tại sông Lạch Tray	18
Bảng 12. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh	26
Bảng 13. Chất thải nguy hại phát sinh của Công ty.....	27
Bảng 14. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....	31
Bảng 15. Dự toán kinh phí đầu tư xây dựng các công trình xử lý môi trường trong giai đoạn vận hành	32
Bảng 16. Các thông số ô nhiễm và giới hạn theo QCVN	36
Bảng 17. Công trình, vị trí số lượng lấy mẫu	37
Bảng 18. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn.....	38
Bảng 19. Giá trị giới hạn đối với độ rung	39
Bảng 20: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	42

Bảng 21. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm của dự án.....	43
Bảng 22. Vị trí, số lượng mẫu và thông số giám sát khí thải giai đoạn vận hành thử nghiệm.	43

MỞ ĐẦU

Thuốc bảo vệ thực vật là loại thuốc được bà con nông dân sử dụng phổ biến tại Việt Nam. Bởi chúng đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, giúp cải thiện sức lao động của bà con nông dân.

Thuốc bảo vệ thực vật là chất hoặc hỗn hợp các chất hoặc chế phẩm vi sinh vật có tác dụng phòng ngừa, ngăn chặn, xua đuổi, dẫn dụ, tiêu diệt hoặc kiểm soát sinh vật gây hại thực vật; điều hòa sinh trưởng thực vật hoặc côn trùng; bảo quản thực vật; làm tăng độ an toàn, hiệu quả khi sử dụng thuốc.

Việt Nam là một trong những nước sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nhiều hơn các nước trong khu vực. Trung bình 5 năm qua, mỗi năm Việt Nam chi 500-700 triệu USD để nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật. Trong đó, 48% là thuốc trừ cỏ, tương đương 19 nghìn tấn, còn lại là thuốc trừ sâu, bệnh khoảng trên 16 nghìn tấn. Ngoài việc trừ sâu bệnh thì vấn nạn chuột phá hại mùa màng ở Việt Nam đang là vấn đề nhức nhối vì chuột là một trong những đối tượng gây hại nguy hiểm đối với các loại cây trồng, nhất là cây lúa; chúng gây hại các mùa vụ ở tất cả các giai đoạn sinh trưởng. Đặc biệt, chuột phá hại mạnh ở thời điểm gieo sạ, giai đoạn đẻ nhánh và đứng cái - làm đòng. Do đó, công tác diệt chuột phải được triển khai tốt ngay từ đầu vụ và cần được duy trì thường xuyên, liên tục trong suốt giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây lúa.

Xuất phát từ nhu cầu trên, Công ty Cổ phần Thương mại và sản xuất Ban Mai đã quyết định đầu tư Cơ sở sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật tại số 125/109 Trường Chinh phường Lãm Hà, quận Kiến An thành phố Hải Phòng để sản xuất thuốc diệt chuột.

Việc hoạt động của công ty mang lại lợi ích bảo vệ mùa màng cũng như đem lại công ăn việc làm cho người dân, đóng góp kinh tế vào nguồn ngân sách của quận. Tuy nhiên ngoài những tác động tích cực của công ty, việc hoạt động của công ty có thể làm phát sinh một số nguy cơ gây tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, môi trường kinh tế xã hội. Công ty cam kết thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường, tránh gây tác động xấu cho môi trường.

Căn cứ theo điều 39, điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và phụ lục V số thứ tự 2 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Công ty tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp

Giấy phép môi trường của “Cơ sở sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật” trình UBND quận Kiến An cấp Giấy phép môi trường cho Dự án.

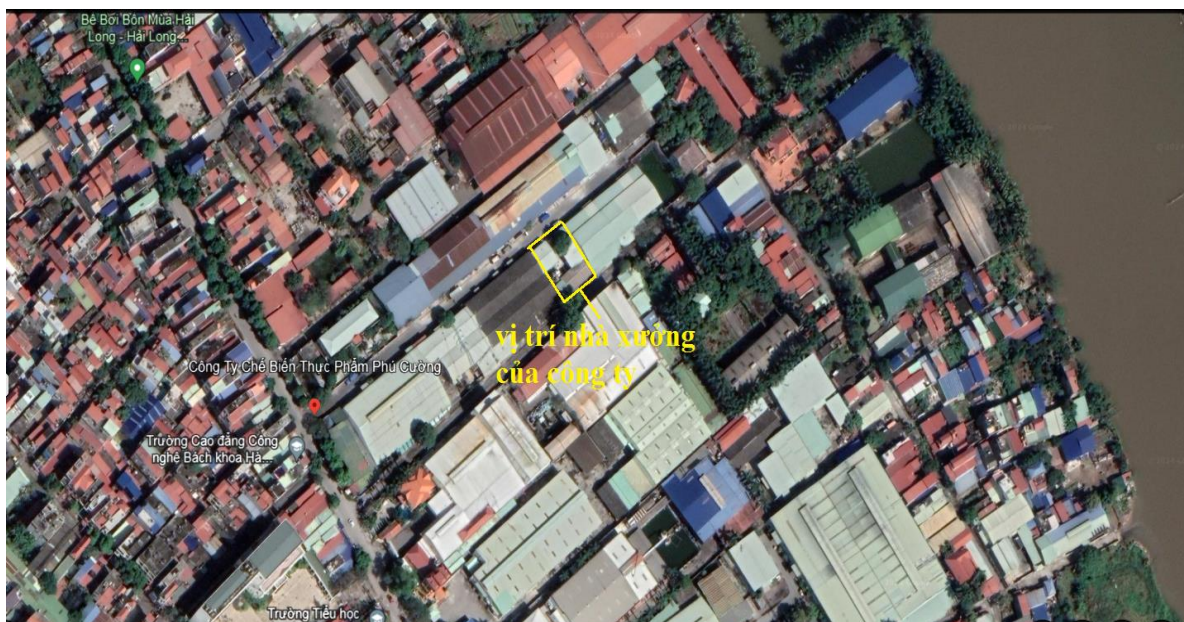
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư:

- Tên chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Thương mại và sản xuất Ban Mai.
- Địa chỉ liên hệ: số 139 Phương Khê, phường Đồng Hoà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Vũ Văn Tuấn Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Điện thoại : 0313.778.385
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200624559 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 3 năm 2005 và cấp thay đổi lần thứ ba ngày 09 tháng 07 năm 2021.

2. Tên dự án đầu tư:

- + Dự án đầu tư “Cơ sở sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật ”
- + Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Số 125/109 đường Trường Chinh, phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.
- + Nhà xưởng được thực hiện trên tổng diện tích 250m² được Công ty thuê nhà xưởng tại số 109 Đường Trường Chinh, phường Lãm Hà, quận Kiến An của Công ty TNHH chế biến thực phẩm Phú Cường (hợp đồng thuê xưởng được đóng kèm trong phần phụ lục của báo cáo).
- + Hướng tiếp giáp của khu đất Công ty như sau:
 - Phía Bắc: Giáp với đường nội bộ trong khu đất của Công ty TNHH chế biến thực phẩm Phú Cường.
 - Phía Nam: Giáp với đường rộng 8m.
 - Phía Đông: Giáp với nhà xưởng của Công ty TNHH chế biến thực phẩm Phú Cường.
 - Phía Tây: Giáp với nhà xưởng của Công ty TNHH chế biến thực phẩm Phú Cường.
- + Vị trí khu đất được thể hiện qua hình sau:



Hình 1. Vị trí thực hiện Dự án

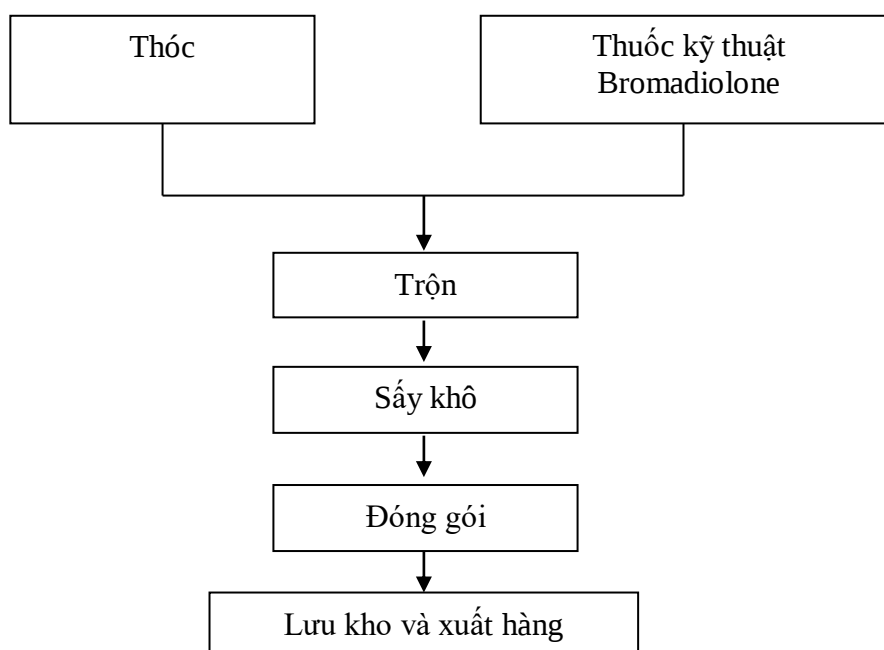
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Hoạt động của dự án là xưởng gia công thuốc diệt chuột với công suất của Dự án: 250 tấn/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

+ Quy trình công nghệ gia công thuốc diệt chuột:



Hình 2. Sơ đồ công nghệ gia công thuốc diệt chuột

Mô tả quy trình:

Thành phần chính của thuốc diệt chuột chủ yếu là thóc và thuốc kỹ thuật Bromadiolone được đưa vào máy trộn đều cho thuốc được ngấm dần vào từng hạt thóc. Trộn xong nguyên liệu được chuyển qua sấy khô ở nhiệt độ 50°C bằng hệ thống điện khép kín. Sau khi sấy xong thành phẩm được chuyển qua công đoạn đóng gói và xuất hàng.

Để bảo đảm chất lượng sản phẩm theo quy trình công nghệ cũng như an toàn vận hành trong lao động sản xuất, Công ty cổ phần Thương mại và sản xuất Ban Mai đã tuyển dụng những cán bộ chuyên môn trong lĩnh vực thực vật và đã được Chi cục Bảo vệ thực vật Hải Phòng cấp giấy phép hành nghề.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản phẩm chính của dự án được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1: Sản phẩm của Dự án

Stt	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng	Thị trường tiêu thụ
1	Thuốc diệt chuột	Tấn	250	Trong nước

Hình ảnh sản phẩm của Công ty



4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, nguồn cung cấp điện nước trong giai đoạn xây dựng Dự án:

Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Ban Mai thuê nhà xưởng có sẵn của Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Phú Cường, tận dụng cơ sở hạ tầng có sẵn Công ty không nâng cấp hay sửa chữa mà chỉ lắp đặt máy móc. Do lượng máy móc hoạt động của Công ty ít vì vậy thời gian lắp đặt máy móc dự kiến là 7 ngày. Vì vậy, nhu cầu

nhiên liệu trong giai đoạn này chủ yếu là nước uống cho công nhân lắp đặt máy móc. Công ty sử dụng là nước uống tinh khiết đóng bình loại 20 lít được cung cấp bởi các cơ sở sản xuất nước uống đã được cấp phép.

4.2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, nguồn cung cấp điện nước trong giai đoạn vận hành của Dự án:

4.2.1. Nguyên vật liệu máy móc phục vụ dự án:

Nguyên liệu để phục vụ cho quá trình hoạt động sản của Công ty được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2. Nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất của Dự án

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung cấp
1	Thóc	Tấn	250	Khu vực Hải Phòng
2	Thuốc kỹ thuật Bromadiolone	Kg	12,5	Trong nước

4.2.2. Danh mục máy móc phục vụ dự án

Danh mục máy móc được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3. Danh mục máy móc phục vụ dự án

Stt	Tên máy móc	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ
1	Máy trộn	Cái	10	Việt Nam
2	Máy sấy	Cái	3	Việt Nam
3	Máy đóng gói	Cái	3	Trung Quốc
4	Băng tải	Bộ	1	Việt Nam

4.2.3. Nhu cầu sử dụng điện nước của Dự án

- *Nhu cầu sử dụng điện nước của Dự án:*

+ Nhu cầu cấp nước sinh hoạt của cán bộ công nhân viên của dự án:

Bảng 4: Nhu cầu sử dụng nước của Dự án

STT	Đối tượng sử dụng nước	Quy mô	Tiêu chuẩn cấp nước	Lưu lượng nước cấp
1	Sinh hoạt của nhân viên trực tiếp sản xuất	12 người	45 lít/người/ca	0,054m ³ /ngày
2	Sinh hoạt của nhân viên văn phòng, bảo vệ,...	3 người	25 lít/người/ca	0,075m ³ /ngày

Tổng nhu cầu sử dụng nước	0,629 m ³ /ngày
----------------------------------	----------------------------

(Nguồn: TCXDVN 33:2006 – Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế, QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn xây dựng Việt Nam – Quy hoạch xây dựng)

Nguồn nước cấp sử dụng trong giai đoạn hoạt động của dự án được lấy từ nguồn nước sạch của Công ty CP cấp nước Hải Phòng.

+ Nhu cầu sử dụng điện của Công ty chủ yếu là phục vụ cho máy móc hoạt động sản xuất, sinh hoạt và chiếu sáng tại Dự án với nhu cầu khoảng 5.600KWh/tháng.

Vậy nhu cầu sử dụng điện nước trong hoạt động sản xuất của Công ty được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5. Tổng hợp nhu cầu sử dụng điện nước tại Công ty

STT	Tên các loại nhiên liệu	Mục đích sử dụng	Đơn vị	Số lượng
1	Nhu cầu sử dụng nước	Dùng cho sinh hoạt	m ³ /ngày đêm	0,629
2	Điện	Toàn bộ hoạt động sản xuất của Công ty	KWh/tháng	5.600

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

5.1. Tiến độ thực hiện Dự án:

- + Lắp đặt máy móc: Tháng 4 năm 2024
- + Đi vào hoạt động chính thức: Tháng 5 năm 2024

5.2. Quy mô các hạng mục công trình

5.2.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Khu nhà xưởng sản xuất của Công ty cổ phần Thương mại và sản xuất Ban Mai tại số 125/109 Trường Chinh, phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích đất là 250 m² được thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Phú Cường (hợp đồng thuê xưởng được đóng kèm trong phần phụ lục của báo cáo). Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Phú Cường đã được Ủy ban nhân dân

thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 15.600,64 m² ngày 19/3/1999 có thời hạn sử dụng đến tháng 12/2028.

Bảng 6. Quy mô các hạng mục nhà xưởng

Stt	Công trình	Đơn vị	Diện tích
1	Nhà xưởng	m ²	160
2	Văn phòng	m ²	20
3	Nhà kho	m ²	50
4	Khu vệ sinh	m ²	10
5	Khu vực chứa rác thải công nghiệp và rác thải nguy hại	m ²	10
Tổng		m²	250

CHƯƠNG 2.

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Dự án được triển khai tại nhà xưởng được thuê của Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Phú Cường theo hợp đồng số 23/HĐTK/PC-PT tại số 125/109 đường Trường Chinh, phường Lâm Hà, quận Kiến An với diện tích nhà xưởng là 250m².

Công ty CP Thương mại và sản xuất Ban Mai đã được Cục Bảo vệ thực vật – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc Bảo vệ thực vật số 14/CNXST/BVTV ngày 03/6/2019.

Vì vậy, việc hoạt động sản xuất của Công ty là hoàn toàn phù hợp.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải:

a. Nước thải

- Nước thải sinh hoạt tại dự án được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể phốt 3 ngăn sau đó qua hồ ga khử trùng, nước thải đầu ra có các chỉ tiêu đạt QCVN 14:/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực và chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Lạch Tray.

b. Khí thải

- Phân bố mật độ xe tải ra vào Công ty hợp lý; sử dụng các xe vận tải và thiết bị sử dụng phải đạt tiêu chuẩn; phun nước rửa đường giao thông nội bộ thường xuyên.

- Công ty luôn thực hiện các biện pháp giảm thiểu khí thải theo đúng phương án đã đề ra trong giấy phép môi trường đã được phê duyệt theo các QCVN, TCVN hiện hành.

c. Chất thải

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: Toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh cụ thể trong quá trình hoạt động của Công ty sẽ tiến hành thu gom quản lý và ký hợp đồng với Đơn vị chức năng trên địa bàn thành phố Hải Phòng hoặc địa bàn lân cận thu gom, xử lý theo định kỳ, bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Công ty sẽ tiến hành thu gom, lưu giữ tạm thời và ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình công cộng Hải Phòng để vận chuyển và xử lý hàng ngày.

- Đối với chất thải nguy hại: CTNH được thu gom vào các thùng chứa có dán nhãn và được lưu giữ theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Đồng thời Công ty sẽ ký hợp đồng thu gom vận chuyển chất thải và xử lý với Công ty Cổ phần Hoà Anh theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

d. Các biện pháp khác

- Thoát nước mưa: Công ty Cổ phần Thương mại và sản xuất Ban Mai thuê nhà xưởng có sẵn của Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Phú Cường vì vậy các hạng mục thu gom nước mưa đã hoàn thiện và đang hoạt động ổn định. Toàn bộ nước mưa trên mái của nhà xưởng được thu gom qua các đường ống nhựa PVC D110 vào hố ga thu gom lắng cặn sau đó nước mưa được thoát ra sông Lạch Tray.

Dự án phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

CHƯƠNG 3.

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:

- Đối với thực vật cạn: Hiện nay, thực vật cạn tại khu đất dự án chỉ là các loại dạng cỏ...

- Đối với động vật cạn và lưỡng cư: Các động vật sống trong khu vực này là một số loài thú nhỏ, lưỡng cư như chuột, ếch nhái, giun đất,...

- Dự án “ Cơ sở sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật” của Công ty Cổ phần Thương mại và sản xuất Ban Mai được hoạt động tại nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Phú Cường khu đất thuộc phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Xung quanh vị trí triển khai dự án có các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội thuận lợi cho quá trình xây dựng, kinh doanh sản xuất của Công ty. Cụ thể:

- Xung quanh khu vực thực hiện dự án chủ yếu là các nhà xưởng, nhà máy xí nghiệp đang hoạt động.

- Giao thông: Vị trí thực hiện dự án gần với tuyến đường Nguyễn Văn Linh; đây là các tuyến đường giao thông quan trọng của thành phố Hải Phòng, cách cảng container Hải Phòng khoảng 8 km, cách trung tâm thành phố khoảng 1,5km và cách đường Cao tốc Hải Phòng Hà Nội khoảng 10km. Đây là vị trí tương đối thuận lợi cho quá trình đầu tư xây dựng dự án, quá trình hoạt động sản xuất và quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, thành phẩm của Công ty.

- Hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp: Phường Lãm Hà, Quận Kiến An là khu vực công nghiệp và dịch vụ quan trọng của thành phố Hải Phòng. Trong nhiều năm trở lại đây, cùng với xu thế phát triển chung của thành phố, Quận cũng đang có những bước chuyển biến cơ cấu kinh tế tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

- Di tích lịch sử, văn hoá: Xung quanh khu vực thực hiện dự án không có các công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử và các đối tượng nhạy cảm khác.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Nước thải của Công ty được xử lý sơ bộ qua bể phốt 3 ngăn sau đó qua hố ga khử trùng trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Lạch Tray cách Công ty khoảng 250m về phía Đông Bắc. Nước thải của Công ty đảm bảo đạt cột B QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

Để đánh giá chất lượng hiện trạng môi trường khi dự án đi vào hoạt động chính thức có ảnh hưởng tới môi trường xung quanh hay không vì vậy tham khảo kết quả quan trắc môi trường của Công ty đang thực hiện sản xuất với cùng công nghệ, quy mô sản xuất và Công ty cũng đã thực hiện lấy mẫu môi trường nền của Dự án vào ngày 04/03/2024

3.1. Các vị trí lấy mẫu

Bảng 7. Các vị trí lấy mẫu khu vực dự án

Stt	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Toạ độ	
1	KK	Mẫu không khí khu vực nhà xưởng	20°83.188N	106°66.643E
2	NT	Mẫu nước thải tại cống thải cuối của Công ty	X(m) = 2304615	Y(m) = 595168
3	KKXQ	Mẫu không khí trung tâm dự án	20°83'26.7"N	106° 66'53"E
4	NM	Mẫu nước mặt tại sông Lạch Tray nơi tiếp nhận nước thải	20°83'36.8"N	106°66'72"E

3.2. Kết quả đo đạc, phân tích

- Thời gian lấy mẫu: ngày 20/4/2023; 14/11/2023; 04/3/2024

- Điều kiện vi khí hậu tại thời điểm lấy mẫu: trời nắng, nhiệt độ môi trường trung bình tại thời điểm lấy mẫu dao động trong khoảng 26-29°C, độ ẩm 58% - 67%, áp suất 101,2kPa.

a. Môi trường không khí

- Thông số quan trắc: vi khí hậu, ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂

- Kết quả quan trắc: Kết quả phân tích mẫu không khí được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 8. Kết quả phân tích mẫu không khí khu vực sản xuất

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Giới hạn cho phép	Quy chuẩn áp dụng
			20/4/2023	14/11/2023		
1	Nhiệt độ	°C	29	26,5	18-32	QCVN 26:2016/BYT
2	Độ ẩm	%	58	61,9	40-80	
3	Tốc độ gió	m/s	1,0	0,3	0,2-1,5	

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Giới hạn cho phép	Quy chuẩn áp dụng
			20/4/2023	14/11/2023		
4	Áp suất	kPa	101,2	1.008	-	
5	Tiếng ồn	mg/m ³	68,1	68,2	85	QCVN 24:2016/BYT
6	Bụi	mg/m ³	0,239	0,94	8,0	QCVN 02:2019/BYT
7	CO	mg/m ³	5,72	3,65	20,0	QCVN 03:2019/BYT
8	SO ₂	mg/m ³	0,077	0,66	5,0	
9	NO _x	mg/m ³	0,052	0,39	5,0	

Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 03: 2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật QG về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật QG về tiếng ồn – mức tiếp xúc ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi- Giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- **Kết quả quan trắc phân tích mẫu không khí xung quanh:** Kết quả phân tích mẫu không khí tại khu vực trung tâm dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 9. Kết quả phân tích mẫu không khí xung quanh

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn cho phép	Quy chuẩn áp dụng
			04/3/2024		
1	Nhiệt độ	°C	27,1	-	-
2	Độ ẩm	%	78,5	-	
3	Tốc độ gió	m/s	1,5	-	
5	Tiếng ồn	µg/m ³	60,3	70 ⁽¹⁾	QCVN 26:2010/BTNMT
6	Bụi	µg/m ³	91	300	QCVN 05:2013/BTNMT
7	CO	µg/m ³	<2.500	30.000	
8	SO ₂	µg/m ³	70	350	
9	NO _x	µg/m ³	62	200	

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Mẫu nước thải

- **Thông số quan trắc:** pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, As, Hg, Pb, Cd, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng N, Tổng P, Tổng Coliforms.

- **Kết quả quan trắc:** Kết quả phân tích mẫu nước thải tại cống thải cuối

Bảng 10. Kết quả phân tích mẫu nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/BT NMT Cột B
			20/4/2023	14/11/2023	
1	pH	-	7,35	7,62	5,5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	13,9	3,4	50
3	COD	mg/L	28,4	18,0	150
4	TSS	mg/L	10,9	12,0	100
5	As	mg/L	0,0035	ND	0,1
6	Hg	mg/L	ND	ND	0,01
7	Pb	mg/L	ND	ND	0,5
8	Cd	mg/L	ND	ND	0,1
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	0,38	0,42	10
10	N tổng	mg/L	5,5	8,1	40
11	P tổng	mg/L	0,27	0,63	6
12	Tổng Coliforms	MPN/100mL	230	490	5000

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

C. Mẫu nước mặt

- **Kết quả quan trắc:** Kết quả phân tích mẫu nước mặt tại sông Lạch Tray nơi tiếp nhận nước thải của cơ sở

Bảng 11. Kết quả phân tích mẫu mặt tại sông Lạch Tray

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NM	QCVN 08:2023/ BTNMT Bảng 2 Mức B
1	pH	-	7,1	6-8,5
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	4,5	≤6
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	36	≤100
4	DO	mg/L	5	≥5
5	COD	mg/L	10	≤15
8	Tổng Coliforms	MPN/100mL	4.300	≤5000

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt

Nhận xét: Qua bảng phân tích mẫu không khí và mẫu nước thải của Công ty ta thấy tất cả các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép đối với các quy chuẩn, vì vậy quá trình hoạt động sản xuất của Công ty không gây ảnh hưởng tới môi trường không khí xung quanh và môi trường nền của dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

CHƯƠNG 4.

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

Công ty cổ phần Thương mại và sản xuất Ban Mai thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Phú Cường làm Cơ sở sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật tại số 109 đường Trường Chinh, phường Lâm Hà, quận Kiến An. Công ty cổ phần Thương mại và sản xuất Ban Mai tận dụng cơ sở hạ tầng của nhà xưởng đã có sẵn và không sửa chữa hay nâng cấp gì, do vậy trong giai đoạn này chỉ có công đoạn lắp máy móc thiết bị sản xuất và dự kiến thời gian lắp đặt khoảng 7 ngày. Vì vậy, tác động môi trường trong giai đoạn này là không đáng kể.

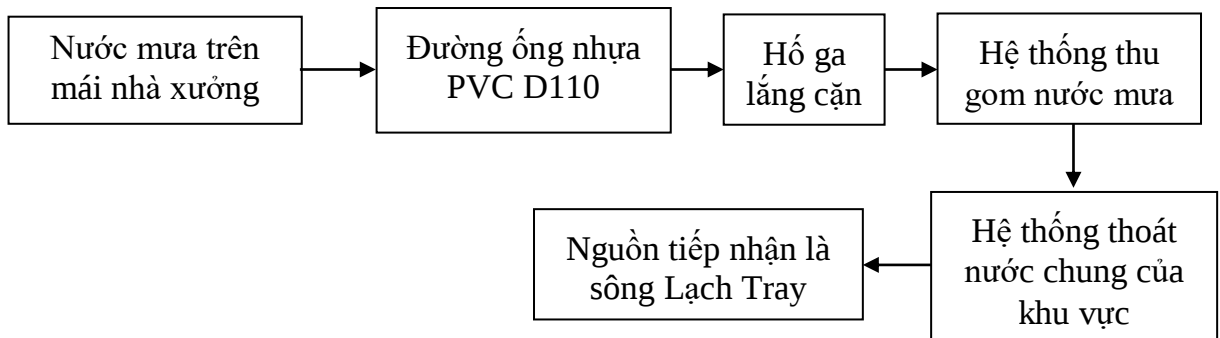
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

Dự án sử dụng các công trình, biện pháp thu gom nước mưa, thu gom và xử lý nước thải như sau:

+ Sơ đồ biện pháp thu gom nước mưa:

- Sơ đồ thu gom thoát nước mưa



Hình 3. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn

- Mô tả quy trình:

Với lưu lượng nước mưa trung bình chảy tràn tính trong năm tại khu vực là 400 m³/năm. Lượng nước mưa chảy tràn được thu gom riêng biệt với đường nước thải. Nước mưa của Công ty chủ yếu từ mái nhà được gom bằng các ống đứng u.PVC D110 vào các hố ga lắng cặn có kích thước 600x600 sau đó vào hệ thống thu gom nước mưa hiện trạng của khu vực bằng đường ống cống bê tông D800 trước khi ra nguồn tiếp nhận là sông Lạch Tray cách Công ty 250m về phía Đông Bắc.

Tại miệng cống đặt các song chắn rác bằng thép để giữ lại rác thô kích thước lớn. Đất cát và rác thải không được giữ lại trên song chắn rác một phần được lắng lại ở các cống dẫn, phần cặn còn lại tiếp tục lắng ở các hố ga và định kỳ thuê đơn vị nạo vét các hố ga 3 tháng/lần đối với mùa mưa và 6 tháng/lần đối với mùa khô.

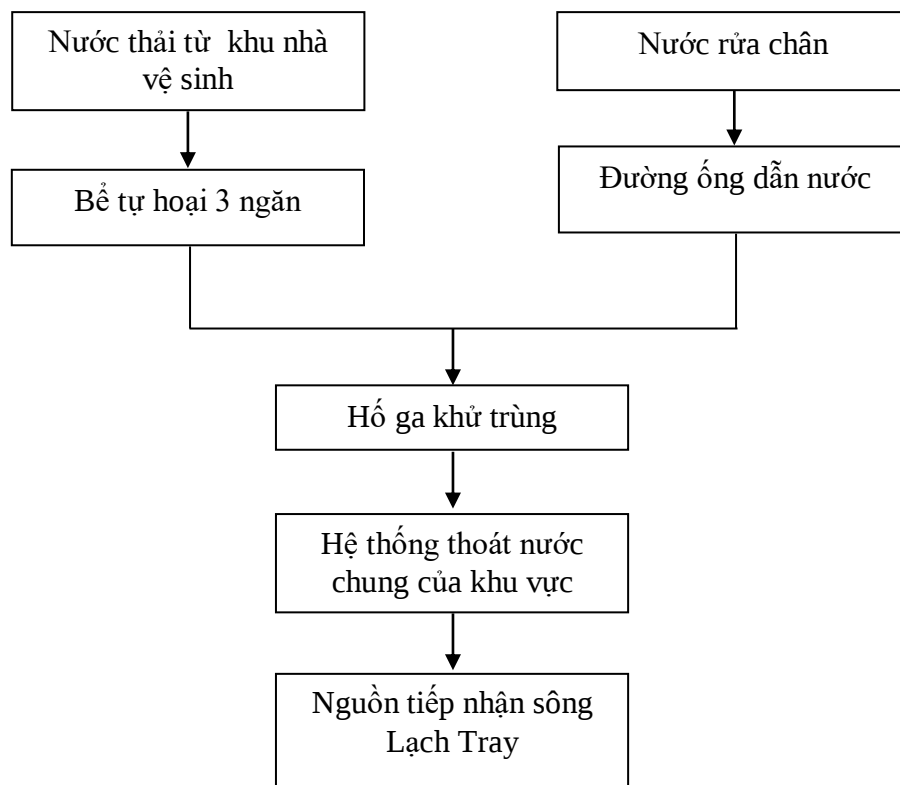
+ Sơ đồ thu gom và biện pháp xử lý nước thải:

Nước thải của Công ty chỉ có nước thải sinh hoạt và không phát sinh nước thải sản xuất.

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng nước thải sinh hoạt bằng 100% lượng nước cấp là $0,629 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Vì vậy tổng lượng nước thải phát sinh tại dự án là $0,629 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Sơ đồ thu gom nước thải của Dự án như sau:



Hình 4. Sơ đồ thu gom nước mưa thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 3 nguồn chính sau:

Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh

Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa chân tay

a. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh:

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh: bao gồm 01 khu

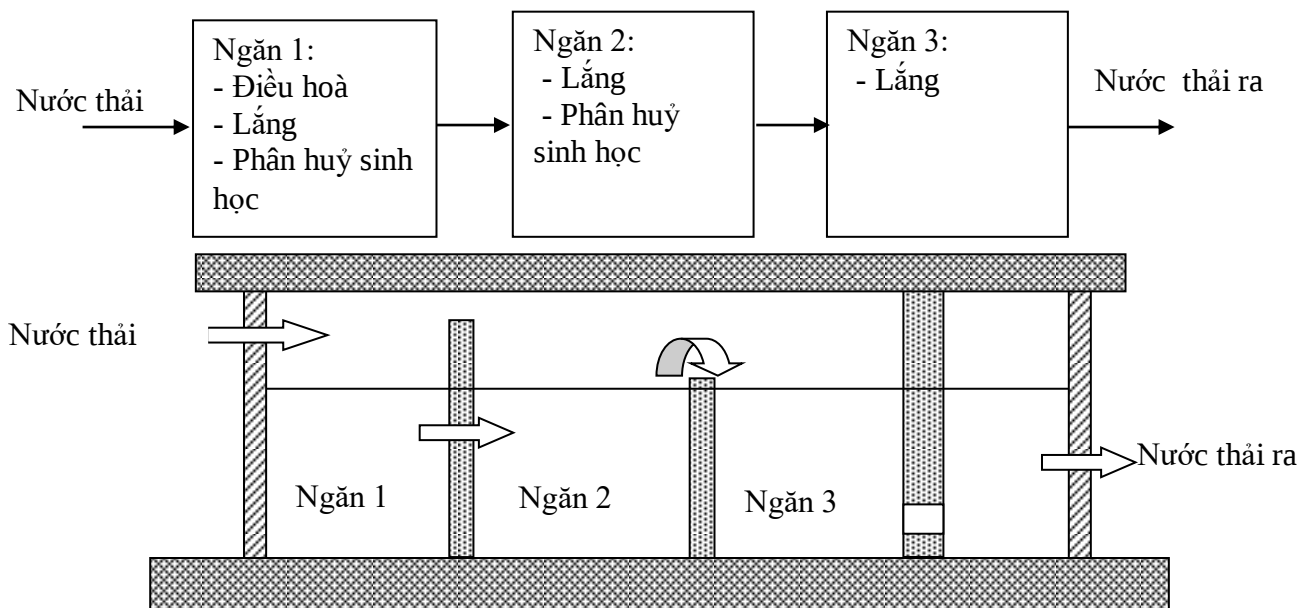
- Nước thải từ khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể phốt 3 ngăn có dung tích 3m^3 sau đó được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D200mm đến hố ga khử trùng trước khi thoát ra hệ thống chung của khu vực và chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Lạch Tray.

Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng gồm: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng được giữ lại trong bể 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ.

Khi nước chảy vào bể nó sẽ được làm sạch bởi hai quá trình là lắng cặn và lên men.

- Lắng cặn: Quá trình lắng cặn trong bể có thể xem là quá trình lắng tĩnh, dưới tác dụng của trọng lực các hạt cặn lắng dần xuống đáy và nước đi ra sẽ là nước trong.

- Lên men: Các cặn lắng rơi xuống đáy bể, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ bởi vi sinh vật yếm khí, cặn lên men, mất mùi và giảm thể tích. Bùn cặn lên men sẽ định kỳ được chuyển đi bằng xe hút bể phốt chuyên dụng.



Hình 5: Bể phốt 3 ngăn

b. Nước rửa chân tay: trong quá trình làm việc tại xưởng sản xuất toàn bộ công nhân đều sử dụng găng tay, sau tan làm số lượng găng tay được thu gom cùng với chất thải nguy hại. Nước thải sau rửa tay của công nhân được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110 cùng với nước thải sau bể phốt về hố ga khử trùng với thể tích $1,5\text{m}^3$ ($1,5\text{m} \times 1 \times 1$) trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Hoá chất sử dụng của Công ty trong quá trình xử lý nước thải:

Công ty sử dụng chất khử trùng Chlorine dạng viên nén: 1 viên 20g/ngày tương đương với 30 viên 20g/tháng (0,6kg/tháng).

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

2.2.1. Nguồn phát sinh:

- + Bụi và khí thải từ quá trình sản xuất
- + Bụi khí thải từ các phương tiện vận chuyển giao thông ra vào dự án.

a. Bụi và khí thải từ quá trình sản xuất bao gồm:

- Khu vực trộn nguyên liệu:

Bụi phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là bụi trong quá trình đổ thóc từ bao vào máy trộn. Tỷ lệ trộn cứ 1 tấn thóc sẽ được trộn cùng với 0,05 kg thuốc kỹ thuật Bromadiolone. Do đó, bụi phát sinh trong giai đoạn này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân trong xưởng sản xuất. Chính vì vậy, Công ty cần đưa ra các biện pháp giảm thiểu thích hợp để bảo vệ sức khỏe của công nhân lao động.

- Khu vực sấy nguyên liệu:

Sau khi nguyên liệu được trộn đều cho thuốc hoàn toàn ngấm vào từng hạt thóc thì được chuyển qua máy sấy nóng bằng điện với mục đích làm khô hoàn toàn thóc để tránh ẩm mốc trong quá trình đóng gói sản phẩm. Quá trình sấy được thực hiện trong máy kín toàn bộ hơi nước bốc hơi sẽ được quạt hút đẩy ra ngoài qua ống dẫn.

b. Bụi khí thải từ các phương tiện vận chuyển giao thông ra vào dự án:

Bụi và khí thải phát sinh từ xe ô tô vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào cơ sở; các phương tiện giao thông của cán bộ công nhân viên.

Khi công ty hoạt động sẽ tập trung một số lượng xe chở nguyên liệu, sản phẩm ra vào công ty, hoạt động giao thông của các phương tiện. Hoạt động giao thông thường gây ô nhiễm bụi, các khí độc hại (CO, SO₂, NO₂ và VOCs). Khu vực để xe của công ty là ngoài trời, thông thoáng nên khả năng pha loãng không khí tốt. Tuy nhiên, lượng phương tiện vẫn ra vào công ty nên vẫn cần phải có các biện pháp giảm thiểu khí thải và bụi phát sinh như đề nghị khách hàng và nhân viên đến công ty phải tắt máy khi vào khu vực để xe.

2.2.2. Biện pháp giảm thiểu các tác động:

a. Đối với hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải

+ Trang bị phương tiện vận chuyển phù hợp, chất lượng cao, sử dụng nhiên liệu ít gây ô nhiễm.

+ Quy hoạch giờ làm việc, tránh tắc nghẽn giao thông vào giờ cao điểm, lúc công nhân tan ca.

+ Tổ chức địa điểm bốc dỡ hợp lý, tránh gây bụi và vương vãi nguyên vật liệu.

+ Công ty điều tiết, khống chế các phương tiện giao thông ra vào khu vực; quy định tốc độ chạy xe trong Công ty là 5 -10 km/h; các phương tiện giao thông phải tắt máy khi nằm chờ trong khu vực Công ty.

+ Các xe chuyên chở nguyên vật liệu được bảo dưỡng, tra dầu mỡ định kỳ.

+ Thường xuyên vệ sinh khu vực ra vào và khu vực để xe của Công ty.

b. Đối với hoạt động sản xuất

+ Đối với khu vực máy trộn nguyên liệu:

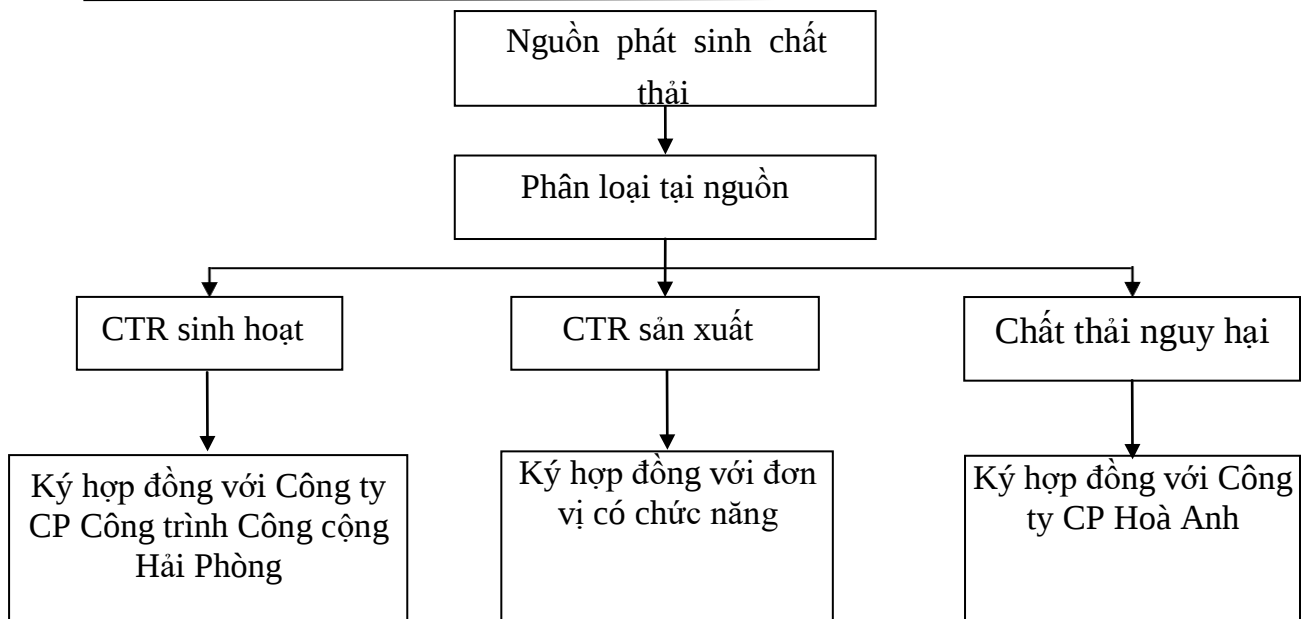
Quá trình đổ thóc vào máy trộn sẽ phát sinh bụi vì vậy công nhân làm việc tại công đoạn này được trang bị quần áo, găng tay, kính, mũ, khẩu trang để không ảnh hưởng tới sức khỏe. Ngoài ra khu vực máy trộn Công ty bố trí lắp đặt 3 quạt hút công nghiệp với công suất 9.000 m³/h để đảm bảo điều kiện thông thoáng khí trong xưởng sản xuất

+ Đối với khu vực máy sấy

Công đoạn sấy được thực hiện tại quy trình khép kín, mục đích công đoạn này là làm khô hoàn toàn nguyên liệu để tránh ẩm mốc trong quá trình đóng gói sản phẩm. Công ty có 3 máy sấy, mỗi máy sấy Công ty sẽ lắp đặt quạt hút công suất 6.000m³/h để hút toàn bộ hơi nước bốc hơi từ nguyên liệu được đẩy ra ngoài qua ống dẫn bằng inox có đường kính D300 cao 3,5m ra ngoài.

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn:

Quy trình thu gom chất thải của Công ty được thể hiện qua hình sau:



Hình 6: Quy trình thu gom chất thải của Công ty

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- **Nguồn phát sinh:** Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên tại dự án.

- **Lượng phát sinh:** Với số lượng công nhân làm việc tại dự án dự kiến 15 người và định mức rác thải là 1,3 kg/người/ngày (24h mỗi ca làm việc là 8h). Dự án hoạt động 1 ca/ngày thì lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại dự án là: 1,3 kg/người/ngày :3 ca x 15 người = 6,5 kg/ngày = 169 kg/tháng = 2.028 kg/năm.

- **Thành phần:** bao gồm vỏ đồ hộp, túi nilon đựng thức ăn, vỏ đựng hoa quả thừa, vỏ rau củ quả,... Chất thải rắn sinh hoạt rất dễ phân hủy, thối rữa ở nhiệt độ cao. Vì vậy, chất thải rắn sinh hoạt không được thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày có thể gây ra các tác động đến môi trường như: Từ hoạt động sinh hoạt của người lao động trong Công ty bao gồm: các loại rác thải phát sinh từ nhà ăn ca như:

- + Gây mùi hôi, khó chịu, ô nhiễm môi trường không khí.
- + Phát sinh các khí độc vào không khí (H_2S , CH_4 , ...).
- + Rơi vào hệ thống nước thải, nước mưa, làm tắc hệ thống thoát nước, ảnh hưởng xấu đến môi trường nước tiếp nhận.
- + Đưa một lượng lớn vi trùng, vi khuẩn vào môi trường không khí, nước, đất...
- + Nước rỉ rác gây ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm.
- + Thu hút côn trùng, chuột bọ... là vật trung gian truyền nhiễm bệnh cho người và

động vật.

+ Mật mỷ quan khu vực.

- Biện pháp khắc phục:

- Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt được Công ty thu gom, phân loại và tập trung tại các thùng chứa chuyên dụng được bố trí xung quanh các khu vực phát sinh. Công ty sẽ ký hợp đồng với Công ty CP Công trình Công cộng Hải Phòng thu gom theo đúng quy định của pháp luật.

- Công ty trang bị khoảng 3 thùng rác nhựa, có nắp đậy cụ thể:

+ 01 thùng chứa rác bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 30 lít/thùng đặt tại khu vực văn phòng.

+ 01 thùng rác nhựa có nắp đậy, dung tích 30 lít/thùng đặt tại khu vực nhà xưởng.

+ 01 thùng rác nhựa có nắp đậy, dung tích 10 lít/thùng đặt tại khu vực nhà kho.

** Chất thải rắn công nghiệp*

- Nguồn phát sinh:

Chất thải rắn công nghiệp của Công ty chủ yếu là các bao dứa đựng thóc, bao bì nilon, giẻ lau găng tay không chứa thành phần nguy hại trong quá trình lau dọn máy móc. Toàn bộ số lượng chất thải công nghiệp được thu gom phân loại, đối với các bao còn đẹp ko bị rách hỏng sẽ được tận dụng bán lại cho các cơ sở thu mua, đối với chất thải còn lại được thu gom vào khu chứa chất thải công nghiệp của Công ty và khi số lượng đủ lớn Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom theo đúng quy định của pháp luật.

Lượng chất thải phát sinh được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 12. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng trung bình (kg/tháng)
1	Túi nilon bao bì đựng nguyên liệu	Rắn	30
2	Găng tay, giẻ lau vệ sinh máy móc (không nhiễm các thành phần nguy hại)	Rắn	5
3	Mực in thải	Rắn	0,5
4	Hộp mực in thải	Rắn	1

Tổng		36,5 kg/tháng tương đương với 438 kg/năm
-------------	--	---

- Biện pháp giảm thiểu:

Toàn bộ rác thải công nghiệp sẽ được công nhân thu gom và phân loại tại nguồn.

- Công ty sẽ 01 kho chứa chất thải rắn sản xuất có diện tích là 5m². Kho chứa khép kín, tường bao quanh bằng vật liệu chống cháy, nền bê tông, mái lợp tôn chống nóng. Ngoài cửa kho có trang bị 02 bình bột chữa cháy.

- Thắt chặt khâu quản lý việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sản xuất phát sinh tại Dự án bằng cách nâng cao trách nhiệm của công nhân làm việc trong việc thu gom, lưu chứa chất thải rắn sản xuất đúng nơi quy định.

** Chất thải nguy hại*

- Nguồn phát sinh:

Chất thải nguy hại của Công ty phát sinh chủ yếu là giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu máy thải trong quá trình vệ sinh lau chùi máy móc thiết bị, bao bì mềm thải,.. với khối lượng phát sinh ước tính được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 13. Chất thải nguy hại phát sinh của Công ty

STT	Tên loại chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1
2	Giẻ lau bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	15
3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	10
4	Bao bì mềm thải (chứa nguyên liệu hoá chất)	14 01 08	3
Tổng			29

+ Biện pháp:

Sau khi phân loại tại nguồn, phân loại theo từng loại CTNH theo từng mã CTNH đã được xác định, chất thải được chứa trong các thùng chứa chuyên dụng đối với từng loại chất thải và được tập trung chứa trong kho chất thải nguy hại của công ty.

Công ty dự kiến bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 5 m². Kho lưu giữ được bố trí theo quy định hướng dẫn tại mục 4, chương IV của Thông tư

02/2022/TT-BTNMT có mái che và tường bao quanh, được phân chia khu vực hợp lý, tương ứng với từng loại chất thải, lắp đặt quạt thông gió và nền kho có thiết kế rãnh, ga thu chất thải nguy hại lỏng phòng sự cố đổ tràn. Công ty sẽ ký hợp đồng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty Cổ phần Hoà Anh.

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, đảm bảo quy định kỹ thuật về môi trường:

+ Nguồn phát sinh gồm 2 nguồn chính:

- Nguồn số 1: Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các máy móc trong các xưởng sản xuất.

- Nguồn số 2: Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của dự án.

+Biện pháp giảm thiểu:

**** Tiếng ồn, rung động trong khu vực sản xuất:***

Tiếng ồn trong xưởng sản xuất của dự án khá cao chủ yếu tập trung tại khu vực máy trộn nguyên liệu. Tuy nhiên Công ty nằm trong khuôn viên xung quanh toàn các nhà xưởng sản xuất nên tiếng ồn không gây ảnh hưởng đáng kể đến khu dân cư xung quanh. Để giảm thiểu tiếng ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân lao động và tránh làm tăng mức độ ồn trong khu vực, tiếng ồn trong dự án được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị;
- Phân bố các nguồn gây ồn ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý;
- Trang bị nút tai cho công nhân phải làm việc ở khu vực thường xuyên tiếp xúc với độ ồn cao, đây là biện pháp vừa hiệu quả, vừa kinh tế, vừa dễ thực hiện;
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân;
- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao.
- Các biện pháp đề xuất thực hiện tại Công ty nhằm hạn chế độ rung trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị như sau:
 - Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với các máy móc, thiết bị sản xuất.

**** Tiếng ồn do các phương tiện giao thông:***

Để hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông khi dự án đi vào hoạt động

được không chế bằng các phương pháp sau:

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ dự án;
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.
- Đối với các phương tiện giao thông ra vào lấy hàng, Công ty đã quy định tốc độ chạy xe tối đa là 5 - 10 km/h và phải tắt máy khi dừng, đỗ trong khu vực Công ty.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

*** Sự cố cháy nổ:**

Nếu có cháy nổ xảy ra trong quá trình hoạt động của Công ty thì tác hại đối với tài sản và tính mạng của công nhân trong Công ty sẽ rất lớn. Vì vậy, trong Công ty đảm bảo khâu thiết kế phù hợp với yêu cầu PCCC. Nội dung chủ yếu của việc này được vận dụng cụ thể như sau:

Hệ thống PCCC theo tiêu chuẩn phòng chống cháy nổ quốc gia. Sử dụng hệ thống chữa cháy tự động sprinler với hệ thống bằng thép tráng kẽm;

Đường nội bộ đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong Công ty, đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể không chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong Công ty. Kho cũng được bố trí cửa thông gió và tường cách ly để tránh tình trạng cháy lan theo tường hoặc theo mái;

Bố trí cửa thoát hiểm phù hợp cho Công ty để khi có sự cố cháy nổ bệnh nhân và nhân viên thoát ra ngoài được dễ dàng;

Công ty sẽ bố trí các đường ống dẫn nước cứu hỏa đến các họng lấy nước cứu hỏa luôn luôn ở trong tình trạng sẵn sàng làm việc;

Các hạng mục dễ cháy như kho chứa bình oxy, hóa chất,... được lắp hệ thống cửa cách ly và được đảm bảo một không gian cách ly an toàn;

Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn;

Tiếp tục giữ vững quy định cấm hút thuốc lá trong khu vực khuôn viên khu vực sửa chữa bảo dưỡng ô tô;

Tất cả các hạng mục công trình trong Công ty đều được bố trí các vật liệu cứu hỏa, bao gồm bình CO₂, vật dập lửa và các vật liệu khác như thang chữa cháy. Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp và dễ nhìn thấy nhất để tiện việc sử dụng và thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động tốt của bình CO₂;

Công ty thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên bằng cách dán băng rôn, băng hiệu đề phòng sự cố cháy. Huấn luyện cho toàn thể cán bộ công nhân viên các biện pháp phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra;

Công ty sẽ thực hiện đúng theo Luật Phòng cháy Chữa cháy, tuân thủ các tiêu chuẩn và các quy định về Phòng cháy Chữa cháy của Công an thành phố;

Công ty đã thành lập tổ PCCC, được trang bị các kiến thức cơ bản, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC theo sự hướng dẫn của Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ công an thành phố Hải Phòng. Khi xảy ra hỏa hoạn, lực lượng này sẽ tổ chức chữa cháy theo phương án đã định. Sau khi chữa cháy tổ chức bảo vệ hiện trường thu nhập thông tin ban đầu về đám cháy giúp cơ quan công an nhanh chóng điều tra làm rõ nguyên nhân cháy.

- Ứng phó sự cố cháy nổ:

Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt ngay đám cháy.

Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan.

Thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy.

Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn phải báo ngay với chính quyền địa phương và đội chữa cháy chuyên nghiệp của khu vực để tiến hành chữa cháy.

* Sự cố hệ thống xử lý nước thải

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động và định kỳ nạo vét các đường ống hố ga, bể xử lý để đảm bảo nước thải đạt chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

+ Định kỳ thay gối thấm dầu tại các hố ga khu vực rửa xe, khu vực rửa chân tay của công nhân bảo dưỡng,...

* An toàn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động, cơ sở sử dụng các giải pháp sau:

Hướng dẫn nhân viên am hiểu nguyên tắc phòng chống cháy nổ, cách sử dụng các thiết bị điện an toàn, đúng qui cách.

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và yêu cầu công nhân sử dụng khi làm việc.

Trang bị tủ thuốc y tế và lắp đặt ở nơi dễ quan sát, dễ sử dụng để thuận tiện sử dụng khi cần.

Đóng phí bảo hiểm đúng quy định và khám sức khỏe định kỳ cho những công nhân làm việc thường xuyên tại cơ sở.

Lắp đặt nội quy hoạt động cho các kho, si lô, xưởng sản xuất,... để yêu cầu nhân viên, khách hàng thực hiện.

*** Công trình biện pháp bảo vệ môi trường khác**

- Giáo dục ý thức về vệ sinh môi trường và vệ sinh công nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong và ngoài cơ sở. Thực hiện thường xuyên các chương trình vệ sinh, quản lý chất thải của cơ sở.

- Từng bước hoàn thiện và cải tạo công nghệ tiến tới công nghệ khép kín hoàn toàn, nhằm giảm thiểu ô nhiễm.

- Cùng với các cơ sở xung quanh của khu vực tham gia thực hiện kế hoạch hạn chế tối đa các chất ô nhiễm, bảo vệ môi trường theo các quy định và hướng dẫn chung của cơ quan quản lý và bảo vệ môi trường của địa phương và thành phố.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn và kiểm tra việc thực hiện các quy định về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ. Thực hiện kiểm tra sức khỏe và kiểm tra y tế định kỳ cho các bộ công nhân viên.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục công trình và Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường

+ Danh mục các công trình biện pháp bảo vệ môi trường được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 14. Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

STT	Tên các hạng mục công trình bảo vệ môi trường	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Quạt thông gió làm mát nhà xưởng, quạt hút công nghiệp	Cái	3	Số lượng có thể thay đổi theo hoạt động thực tế của Công ty
2	Bể tự hoại	Bể	01	
3	Hệ thống đường ống thu gom nước mưa, nước thải	hệ thống	01	

4	Hố ga khử trùng	Hố ga	01	
5	Quạt hút ống dẫn khí	Hệ thống	03	
6	Thùng chứa chất thải sinh hoạt	Cái	03	Số lượng có thể thay đổi theo hoạt động thực tế của Công ty
7	Thùng chứa chất thải nguy hại	Cái	04	
8	Kho chứa chất thải rắn công nghiệp	M ²	5	
9	Kho chứa chất thải nguy hại	M ²	5	

3.2. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

Trên cơ sở đề xuất các biện pháp các công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, Công ty trình bày bố trí kinh phí đối với các công trình trên như sau:

Bảng 15. Dự toán kinh phí đầu tư xây dựng các công trình xử lý môi trường trong giai đoạn vận hành

Stt	Tên các hạng mục công trình	Vị trí lắp đặt	Dự kiến thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)
1	Lắp đặt các quạt thông gió hút mùi	Trong nhà xưởng sản xuất	Trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm	30
2	Bể tự hoại		Đã có sẵn	
3	Hệ thống đường thu gom nước thải		Đã có sẵn	

4	Hồ ga khử trùng nước thải trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận	Hồ ga cuối cùng của Công ty	Được hoàn thành trước khi dự án đi vào hoạt động	5
5	Hệ thống thu gom nước mưa	Xung quanh khu đất của dự án	Đã có sẵn	
6	Các loại thùng chứa rác thải sinh hoạt, công nghiệp, chất thải nguy hại	Bố trí tại các khu vực phát sinh và tại kho chứa chất thải	Hoàn thành trước khi dự án vận hành thử nghiệm	10
7	Nhà kho chứa chất thải rắn công nghiệp		Hoàn thành trước khi dự án vận hành thử nghiệm	5
8	Nhà kho chứa chất thải nguy hại		Nhà kho chứa chất thải rắn công nghiệp	5
9	Đường ống dẫn khí từ máy sấy ra bên ngoài	Khu vực đặt máy sấy nguyên liệu	Được lắp đặt đồng bộ cùng với máy sấy	30
Tổng kinh phí thực hiện				85

Tuy nhiên, trên đây chỉ là các số liệu khái toán, mục đích định hướng cho chủ đầu tư trong công tác thực hiện xây dựng các công trình bảo vệ môi trường của dự án. Khi dự án lập tổng dự toán, các hạng mục này sẽ được tính toán chi tiết và đầy đủ, chính xác hơn.

3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

Để đảm bảo cho công tác bảo vệ môi trường tại Dự án, Công ty tuyển dụng 01 cán bộ phụ trách về môi trường, an toàn lao động để thực hiện các nhiệm vụ như sau:

Tập huấn, hướng dẫn công nhân phân loại, thu gom chất thải sản xuất, nguy hại đúng theo quy định; Phổ biến các biện pháp an toàn lao động cho toàn Dự án. Chỉ đạo và phối hợp thực hiện các bộ phận khác thực hiện các biện pháp PCCC.

Thực hiện giám sát công việc về vệ sinh công nghiệp, cây xanh. Phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc, giám sát môi trường định kỳ.

Định kỳ, 1 tháng/lần, báo cáo với quản lý dự án và ban giám đốc về các vấn đề môi trường tham mưu, đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường cho dự án

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Báo cáo của dự án đã đạt được những mục tiêu sau:

- + Báo cáo đã nhận định (định tính và định lượng) được đầy đủ các nguồn gây tác động theo từng giai đoạn của dự án, từng thành phần của hoạt động.

- + Xác định quy mô không gian và thời gian của các tác động; xác định được các đối tượng bị tác động.

- + Các đánh giá đưa ra đã dựa trên quy mô không gian, thời gian của nguồn tác động và tính nhạy cảm của các đối tượng chịu tác động.

- + Báo cáo đã chỉ ra các rủi ro về sự cố môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình triển khai dự án.

CHƯƠNG 5

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

A. Nội dung cấp phép.

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt

- + Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh
- + Nguồn số 2: Nước thải rửa chân tay của công nhân viên.

2. Dòng nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau hệ thống xử lý đạt cột B QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trước khi ra sông Lạch Tray.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại công thải cuối của Công ty trước khi đầu nối chung vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Tọa độ: $X(m)=2304691.109$; $Y(m) = 595098.597$ (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.3 Lưu lượng xả thải trung bình là $0,629m^3/ngày\ đêm$, lưu lượng xả thải lớn nhất là $1,5m^3/ngày\ đêm$.

2.4. Phương thức: tự chảy

2.5. Chế độ xả thải: xả liên tục (24h)

2.6. Chất lượng nước thải trước khi thải vào nguồn tiếp nhận đảm bảo cột B QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Các thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép và giới hạn các thông số theo dòng nước thải được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 16. Các thông số ô nhiễm và giới hạn theo QCVN

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅	mg/L	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải vào hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể phốt 3 ngăn có tổng dung tích 3m³ sau đó được thu gom về hố ga khử trùng bằng đường ống nhựa PVC D200 trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nguồn số 3: Nước rửa chân tay và nước thoát sàn được thu gom gom bằng đường ống nhựa PVC D110 về hố ga khử trùng trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải tập trung:

Nước thải (sau khi xử lý sơ bộ)→hố ga khử trùng→hệ thống thoát nước chung của

khu vực→sông Lạch Tray.

Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển, xử lý bùn thải từ bể phốt theo quy định.

- Công nghệ xử lý nước thải của dự án: Vi sinh yếm khí kết hợp với khử trùng
- Công suất thiết kế: 2m³/ngày đêm
- Hoá chất sử dụng: Viên chlorine dạng nén 20g/viên (hoá chất khử trùng).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng bắt buộc phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.
- Bố trí cán bộ có trình độ chuyên môn phù hợp để quản lý, vận hành bảo dưỡng định kỳ đường ống thu gom nước thải.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố khi đường ống nước thải bị rò rỉ.
- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; bổ sung hoá chất vào hố ga khử trùng.
- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã xây dựng.
- Khi sự cố rò rỉ vỡ hỏng đường ống nước thải không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa trong các bể xử lý thì thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, hút nước thải từ các bể xử lý đưa đi xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Trong khoảng thời gian từ tháng 05/2024 đến tháng 11/2024

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Bảng 17. Công trình, vị trí số lượng lấy mẫu

Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
Hố ga khử trùng	Tần suất 01 lần/ngày.	pH, BOD5, TSS, TDS, Amoni, Phosphat, Nitrat,	QCVN 14:2008/BTNMT

	Lấy mẫu 3 ngày liên tục.	dầu mỡ ĐTV, tổng chất hoạt động bề mặt, sunfua, tổng Coliform	(cột B)
--	--------------------------	---	---------

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm đã cam kết trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực thiết bị hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải, công trình thu gom.

Thường xuyên nạo vét các bể phốt, đường cống, hố ga để công trình thu gom xử lý thoát nước thải theo đúng yêu cầu.

5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không phát sinh

5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

A. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 1: Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các máy móc trong các xưởng sản xuất.

- Nguồn số 2: Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: khu vực đặt máy trộn nguyên liệu

Toạ độ: $X(m) = 2304702.158$; $Y(m) = 595089.321$

+ Nguồn số 02: Khu vực tập kết kết nguyên vật liệu

Toạ độ: $X(m) = 2304710.242$; $Y(m) = 595070.988$

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°)

3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Bảng 18. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức tiếng ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1				

2	70	55	-	Khu vực thông thường
---	----	----	---	----------------------

Bảng 19. Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
2	70	60	-	Khu vực thông thường

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:

1. Công trình biện pháp giảm thiểu:

- Lắp đặt, bố trí các thiết bị này tại vị trí hợp lý tránh ảnh hưởng nhất tới môi trường xung quanh.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc nhằm đảm bảo mức ồn được giữ ở mức thiết kế bởi nhà sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị máy móc để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

5.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

A. Quản lý chất thải

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh của dự án:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Khối lượng Tấn/năm
I	Chất thải rắn sinh hoạt		
1	Túi nilong, vỏ hoa quả, thức ăn thừa,...	2.028	2,028
II	Chất thải rắn thông thường		
1	Túi nilon bao bì đựng nguyên liệu	438	0,438

2	Găng tay, giẻ lau vệ sinh máy móc (không nhiễm các thành phần nguy hại)		
3	Mực in thải		
4	Hộp mực in thải		

1.2. Khối lượng chủng loại chất thải nguy hại phát sinh của dự án:

STT	Tên loại chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	29	0,029
2	Giẻ lau bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01		
3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06		
4	Bao bì mềm thải (chứa nguyên liệu hoá chất)	14 01 08		

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu trữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, công trình lưu trữ chất thải rắn thông thường của dự án:

+ Đối với chất thải sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Công ty trang bị khoảng 3 thùng rác nhựa, có nắp đậy được đặt tại các khu vực phát sinh.

Công ty sẽ ký hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý với Công ty CP Công trình Công cộng Hải Phòng.

+ Đối với chất thải rắn công nghiệp:

- Kho lưu chứa chất thải: Công ty bố trí 01 kho chứa chất thải rắn sản xuất có diện tích 5 m². Kho chứa khép kín, tường bao quanh bằng vật liệu chống cháy, nền bê tông, mái lợp tôn chống nóng. Bên ngoài cửa kho có trang bị 02 bình bột chữa cháy.

- Chất thải rắn thông thường phải được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa, rồi tập kết về kho chứa để lưu giữ và khi số lượng đủ lớn Công ty chuyển

giao cho đơn vị có nhu cầu thu mua tái chế hoặc đơn vị đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị công trình lưu trữ chất thải nguy hại của dự án:

- Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: Công ty bố trí 4 thùng rác có dung tích 50 lít/thùng có nắp đậy và dán các mã chất thải nguy hại riêng biệt được đặt tại kho chứa rác thải nguy hại.

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại: Công ty bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 5 m². Kho chứa được xây dựng có mái che kín nắng, mưa đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại khoản 6 điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chất thải nguy hại phải được phân loại tại nguồn, thu gom vào các thiết bị lưu chứa riêng biệt có dán mã chất thải nguy hại của từng loại chất nguy hại khác nhau, tập kết về kho chứa để lưu giữ và khi số lượng đủ lớn Công ty sẽ ký hợp đồng với Công ty CP Hoà Anh để thu gom vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không có

B. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5.6. Kinh phí dự trù đối với các hoạt động môi trường

Bảng 20: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

TT	Hạng mục chi	Số tiền (đồng /năm)	Thời gian thực hiện
1	Nạo vét hố ga	3.000.000	1 năm/2lần
2	Định kỳ nạo vét hệ thống xử lý nước thải	7.500.000	1 năm/2lần
3	Mua thùng chứa chất thải	1.500.000	1 năm/lần
4	Hoá chất khử trùng nước thải	3.600.000	1 năm/12lần
	Tổng	15.600.000	

5.7. Thời gian xin cấp phép:

+ Thời gian xin cấp phép: 3 năm.

CHƯƠNG 6

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của dự án, chủ dự án tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1.1. Đối với hệ thống xử lý nước thải

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 21. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm của dự án

TT	Hạng mục	Thời gian kết thúc	Thời gian chạy thử
1	Nước thải sau hồ ga khử trùng trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực	Sau 6 tháng	Trong khoảng thời gian từ tháng 05/2024 đến tháng 11/2024

Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý nước thải

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, việc quan trắc chất thải do dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải

- Vị trí, số lượng mẫu và thông số giám sát nước thải thải sau hệ thống xử lý được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 22. Vị trí, số lượng mẫu và thông số giám sát khí thải giai đoạn vận hành thử nghiệm

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát
1	Nước thải tại cống thải cuối trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực	Lấy mẫu 3 ngày liên tục. Tần suất 01 lần/ngày	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Amoni, Phosphat, Nitrat, dầu mỡ ĐTV, tổng chất hoạt động bề mặt, sunfua, tổng Coliform

- Công việc đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải được thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định của pháp luật về môi trường.

- Công ty sẽ thuê các đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để phối hợp thực hiện kế hoạch.

*** Tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:**

- Tên đơn vị quan trắc: Viện Công nghệ mới – Viện Khoa học và công nghệ quân sự

- Địa chỉ trụ sở chính: số 17 Hoàng Sâm, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 255/QĐ-BTNMT ngày 07/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 070.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Theo quy định tại khoản 2 điều 97, khoản 2 điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 và phụ lục XXVIII, phụ lục XXIX phụ lục Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt quan trắc tự động, liên tục và quan trắc định kỳ nước thải, khí thải.

CHƯƠNG 7:

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần Thương mại và sản xuất Ban Mai cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chúng tôi cam kết về lộ trình thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong bản báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Chủ Dự án sẽ kết hợp với các cơ quan chuyên môn và các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường để thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tiến hành giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm của nước thải, khí thải và chất thải rắn đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Sau khi hoàn thành đưa công trình vào sử dụng, đơn vị quản lý trực tiếp quản lý, chỉ đạo và quy định cụ thể để thực hiện việc quản lý, khai thác sử dụng, phát huy cao nhất hiệu quả đầu tư của dự án, phục vụ đắc lực cho sự phát triển giáo dục của địa phương.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0200624559

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 03 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 09 tháng 07 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT BAN MAI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAN MAI TRADING AND PRODUCING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BMJSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 139 Phương Khê, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225.3778385

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 2.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 25.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: VŨ VĂN TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 06/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031090010067

Ngày cấp: 29/05/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Phương Khê, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố Phương Khê, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Anh Tuấn

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ KHO

Số: 06 /HĐTK/PC-2024

- Căn cứ Bộ luật dân sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam .
- Căn cứ vào chức năng, nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 03 năm 2024, tại Công ty TNHH CBTP Phú Cường.

Chúng tôi gồm các bên như sau:

I. BÊN CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM PHÚ CƯỜNG (BÊN A)

Địa chỉ: Khu A1, Phường Phù Liên, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.678764 - 3878.790 Fax: 0225.790.875

Mã số thuế: 0200421950

Tài khoản: 118000089984 Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – chi nhánh

Kiến An, Hải Phòng

Đại diện: Bà Nguyễn Thị Ngân - Chức vụ: Giám đốc

II. BÊN THUÊ KHO: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT BAN MAI (BÊN B)

Địa chỉ : Số 139 Phương Khê , phường Đồng Hòa, Quận Kiến An, Hải Phòng

Điện thoại : 0225.778.835 (0913.538.582)

Mã số thuế: 0200624559

Tài khoản : 9808698 Tại ngân hàng VP Bank chi nhánh Hải Phòng

Do ông : Vũ Văn Tuấn - Chức vụ - Tổng giám đốc

Sau khi cùng nhau bàn bạc, thảo luận, hai bên đã thống nhất và đồng ý ký kết hợp đồng thuê nhà với những nội dung cụ thể sau:

Điều I: Nội dung hợp đồng

- Bên A đồng ý cho thuê và bên B đồng ý nhận thuê nhà của bên A tại địa chỉ số : Khu Công nghiệp Đồng Hòa 125/109 Trường Chinh, Kiến An, Hải Phòng.
- Mục đích thuê của bên B: Thuê xưởng sản xuất hàng hóa mà pháp luật Việt Nam cho phép.

Điều II: Diện tích và đơn giá thuê:

- Diện tích kho cho thuê: $150\text{ m}^2 + 100\text{ m}^2 = 250\text{ m}^2$
- Đơn giá thuê: 38.000đ/m²
- Tiền thuê kho 01 tháng : 9.500.000đ/tháng
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT

Phân điện nước:

- Phân điện : Đồng hồ 3 pha hoặc 2 pha bên A lắp lần đầu (đồng hồ phải qua kiểm định, có tem an toàn). Giá điện tiêu thụ : Theo giá của Công ty điện lực Hải Phòng tại thời điểm cho thuê.
- Phân nước : Đồng hồ nước do bên A lắp.

Giá nước tiêu thụ: Theo giá của Công ty nước Hải Phòng tại thời điểm cho thuê.

Điều III. Thời gian của hợp đồng

1. Thời gian cho thuê nhà xưởng là 04 năm được tính từ ngày 02 tháng 03 năm 2024 đến hết ngày 02 tháng 03 năm 2028
2. Khi hết hạn hợp đồng, tùy theo tình hình thực tế hai bên có thể thỏa thuận gia hạn hợp đồng hoặc kí kết hợp đồng mới.
3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu bên A muốn thu hồi nhà thì bên A báo cho bên B trước 02 tháng.
4. Nếu một trong hai bên tự ý phá vỡ hợp đồng trước thời hạn sẽ nộp tiền phạt cho bên kia là 02 tháng tiền thuê nhà xưởng.

Điều IV. Thời gian, phương thức thanh toán.

1. Bên B thanh toán cho bên A tiền thuê nhà bằng tiền Việt Nam đồng.
2. Thời gian thanh toán:
 - Phần nhà xưởng: Thanh toán một tháng một lần từ ngày 01 đến ngày 05 đầu tháng củ quý đó.
 - Phần điện, nước: Thanh toán mỗi tháng một lần vào ngày 15 của tháng sau.
3. Bên B trả tiền thuê đầy đủ đúng kỳ hạn quy định; trường hợp chậm trả tiền thuê tháng thứ 1, bên B chịu phạt theo lãi suất chậm trả của Ngân hàng Cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), chậm tháng thứ 2 tăng 1,5 theo lãi suất.

Điều V. Trách nhiệm của các bên:

Trách nhiệm của bên A:

1. Bên A cam kết bảo đảm quyền sử dụng đất trọn vẹn hợp pháp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để bên B sử dụng mặt bằng đúng mục đích, có hiệu quả.
2. Bên A phải cung cấp cho bên B đầy đủ các chứng từ (phiếu thu, hóa đơn điện, nước ...) khi bên B thanh toán tiền thuê nhà, điện, nước cho bên A.
3. Bên A phải có trách nhiệm bảo vệ vòng ngoài của nhà cho thuê (cửa, khóa, mái, lưới, tường không bị phá, rách niêm phong).

Trách nhiệm của bên B:

1. Sử dụng nhà đúng mục đích thuê là để sản xuất hàng hóa mà pháp luật Việt Nam cho phép. Khi cần sửa chữa, cải tạo theo yêu cầu sử dụng riêng phải bàn bạc với bên A và được sự nhất trí của bên A, tiền sửa chữa do bên B tự bỏ ra và không được khấu trừ vào tiền thuê nhà xưởng. Thanh toán tiền thuê nhà đầy đủ và đúng thời hạn đã cam kết.
2. Chịu trách nhiệm về sự hư hỏng, mất mát các trang thiết bị, các đồ tư trang, an toàn sản xuất, an toàn cháy nổ, trật tự trị an và các sự cố gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của mình.
3. Chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình theo Pháp luật Việt Nam hiện hành, đóng góp các khoản thuế đầy đủ theo quy định, các chi phí khác có liên quan đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của bên B .
4. Bên B chịu trách nhiệm độc lập về hoạt động của mình, không làm ảnh hưởng đến bên A như: Thủ tục hành chính, phòng cháy, chữa cháy, môi trường....

Điều VI. Điều khoản chung:

1. Hai bên cam kết thực hiện các thỏa thuận đã kí kết trong hợp đồng này nhằm tạo điều kiện cho các bên tham gia có điều kiện thuận lợi trong quá trình hợp tác.
2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, không bên nào được tự chấm dứt hợp đồng khi không có ý kiến đồng ý của bên kia. Nếu bên nào tự chấm dứt hợp đồng thì bên đó phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho bên kia do việc tự ý chấm dứt hợp đồng.
3. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên tham gia thương lượng, đàm phán, hòa giải để tự giải quyết các vấn đề có liên quan. Nếu việc tự giải quyết không được thì thống nhất đề nghị tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết theo trình tự thủ tục của Pháp luật hiện hành. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết mâu thuẫn do bên có lỗi chịu trách nhiệm chi trả.

Điều VII. Hiệu lực của hợp đồng:

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 02 tháng 03 năm 2024 đến hết ngày 02 tháng 03 năm 2028. Khi hết hạn hợp đồng, nếu sau 15 ngày mà các bên tham gia không có ý kiến gì thì hợp đồng này coi như đã được thanh lý.

Hợp đồng này được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngân

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Tuấn

Châu-phó Hải-Phong

Định hướng phát triển học phẩm 'Thư trường'

Tại: *Phường Quán Erui,
Quận Kiến An,
Hải Phòng.*

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
		45.600,64	Tây dưng Trống trơn tuyệt mỹ âm liễn nữ bột camh.	Thử thứ 12/1998 đến 12/2028	

15-02-2024

Vào số cấp giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất
Số. 023.14.....QSDĐ

Trần Minh Nghiệp

GIÁM ĐỐC
CHU MINH TUẤN

ĐÃ THU LÊ PHÍ

C. TỶ CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG.

C. TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG.

CÔNG TY TNHH
HẢI LONG.

$$S = 15.600,64 \text{ m}^2$$

—

✓

72.40

1

1

二

IN

.....
ТАННЕР

1

五

Vukobratović

Được quét bằng CamScanner

Số: 220 /2023/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
RESULT OF AIR MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/ : Mẫu không khí. Ngày lấy mẫu/ : 20/4/2023
Name of sample :
Tên khách hàng/ : Công ty Cổ phần thương mại và sản xuất Ban Mai. Ngày phân tích/ : 20-30/4/2023
Name of clients :
Địa điểm lấy mẫu/ : Cơ sở sang chai đóng gói thuốc bảo vệ thực vật - Công ty Cổ phần thương mại và sản xuất Ban Mai, số 135 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.
Place of sample :
Thời tiết/ : Nhiệt độ trung bình 28,0°C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 62,0%.
Weather :

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu không khí khu vực nhà xưởng. (K2)	0420408

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2023.

PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiếp

Đàm Văn Quỳnh

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Add: 275 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.vn

Số: 220 /2023/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	KẾT QUẢ/RESULTS	QCVN	
			10420408		
1	Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	TCVN 5508-2009	29,0	18-32	QCVN 26:2016/ BYT (lao động trung bình)
2	Độ ẩm (%)		58,0	40-80	
3	Tốc độ chuyển động không khí (m/s)		1,0	0,2-1,5	
4	Áp suất (kPa)		101,2	-	
5	Tiếng ồn (dBA)	TCVN 9799-2013	68,1	85	QCVN 24:2016/ BYT
6	Bụi toàn phần (mg/m^3)	QCVN 02:2019/BYT Phụ lục 1	0,239	8,0	QCVN 02:2019/ BYT
7	CO (mg/m^3)	QCVN 03:2019/BYT Phụ lục 14	5,72	20,0	QCVN 03:2019/ BYT
8	SO ₂ (mg/m^3)	QCVN 03:2019/BYT Phụ lục 44	0,077	5,0	QCVN 03:2019/ BYT
9	NO ₂ (mg/m^3)	QCVN 03:2019/BYT Phụ lục 37	0,052	5,0	QCVN 03:2019/ BYT

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu- Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn- Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- TCVN 9799-2013: Âm học - Xác định mức tiếp xúc tiếng ồn nghề nghiệp - Phương pháp kỹ thuật.

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by FILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

Số: 868 /2023/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ RESULT OF AIR MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/ Ngày lấy mẫu/ : 14/11/2023
Name of sample : Mẫu không khí. Date of sample :
Tên khách hàng/ Ngày phân tích/ : 14-24/11/2023
Name of clients : Công ty Cổ phần thương mại và sản xuất Ban Mai. Date of test :
Địa điểm lấy mẫu/ : Cơ sở sang chai đóng gói thuốc bảo vệ thực vật - Công ty Cổ phần thương mại và sản xuất Ban Mai, số 135 đường Quán Trữ, phường Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.
Place of sample :
Thời tiết/ : Nhiệt độ trung bình 19,8°C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 67,0%.
Weather :

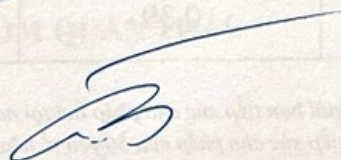
TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu không khí khu vực nhà xưởng. (K2)	11141489

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 24 tháng 11 năm 2023.

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiến Tùng



Đàm Văn Quỳnh

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

Số: 868 /2023/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	KẾT QUẢ/ RESULTS	QCVN	
			11141489		
1	Nhiệt độ (**) ($^{\circ}C$)	TCVN 5508 - 2009	26,5	18-32	QCVN 26:2016/ BYT (lao động trung bình)
2	Độ ẩm (**) (%)	TCVN 5508 - 2009	61,9	40-80	
3	Tốc độ chuyển động không khí (**) (m/s)	QCVN 46:2012/BTNMT	0,3	0,2-1,5	
4	Áp suất (**) (kPa)	QCVN 46:2012/BTNMT	1.008,0	-	
5	Tiếng ồn (**) ($dB(A)$)	TCVN 7878 -2:2018	68,2	85	QCVN 24:2016/ BYT
6	Bụi toàn phần (**) (mg/m^3)	CEC.DN.KLV.03	0,94	8,0	QCVN 02:2019/ BYT
7	CO (**) (mg/m^3)	CEC.DN.KLV.04	3,65	20,0	QCVN 03:2019/ BYT
8	SO ₂ (**) (mg/m^3)	CEC.DN.KLV.06	0,66	5,0	QCVN 03:2019/ BYT
9	NO ₂ (**) (mg/m^3)	CEC.DN.KLV.06	0,39	5,0	QCVN 03:2019/ BYT

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu- Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn- Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- (**): Thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường – CEC.

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

Số: 221 /2023/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC
RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/
Name of sample : Mẫu nước thải.

Ngày lấy mẫu/
Date of sampling : 20/4/2023

Tên khách hàng/
Name of clients : Công ty Cổ phần thương mại và
sản xuất Ban Mai.

Ngày phân tích/
Date of test : 20/4/2023

Địa điểm lấy mẫu/
Place of sample :

Cơ sở sang chai đóng gói thuốc bảo vệ thực vật - Công ty Cổ phần
thương mại và sản xuất Ban Mai, số 135 đường Quán Trữ, phường
Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối trước khi xả thải ra cống thải chung của khu vực. Tọa độ: 2304615X; 595168Y. (NT1)	0420409

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 08 tháng 5 năm 2023.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiếp

Nguyễn Tiến Tùng

Đàm Văn Quỳnh

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.vn

Số: 221 /2023/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ RESULTS	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, C _{max} =C) ⁽¹⁾
				0420409	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,35	5,5-9
2	BOD ₅ (20°C) (*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	13,9	50
3	COD	SMEWW 5220B&C:2017	mg/l	28,4	150
4	Chất rắn lơ lửng (*)	SMEWW 2540D:2017	mg/l	10,9	100
5	Asen	SMEWW 3114B:2017	mg/l	0,0035	0,1
6	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2017 MDL = 0,00016mg/l	mg/l	ND	0,01
7	Chì	SMEWW 3113B:2017 MDL = 0,0033mg/l	mg/l	ND	0,5
8	Cadimi	SMEWW 3113B:2017 MDL = 0,00006mg/l	mg/l	ND	0,1
9	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,38	10
10	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	5,5	40
11	Tổng photpho (tính theo P) (*)	SMEWW 4500P.B&E:2017	mg/l	0,27	6
12	Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/ 100ml	230	5x10 ³

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- ND: Không phát hiện/ Not detected.
- ⁽¹⁾ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp/ National technical regulation industrial waste water.

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM



Số: 867 /2023/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/ : Mẫu nước thải. Ngày lấy mẫu/ : 14/11/2023
Name of sample : Date of sampling
Tên khách hàng/ : Công ty Cổ phần thương mại và Ngày phân tích/ : 14-24/11/2023
Name of clients : sản xuất Ban Mai. Date of test
Địa điểm lấy mẫu/ : Cơ sở sang chai đóng gói thuốc bảo vệ thực vật – Công ty Cổ phần
Place of sample : thương mại và sản xuất Ban Mai, số 135 đường Quán Trữ, phường
Đồng Hòa, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối trước khi xả thải ra cống thải chung của khu vực. Tọa độ: 2304615X; 595168Y. (NT1)	11141490

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 24 tháng 11 năm 2023.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiếp

Nguyễn Tiến Tùng



Đàm Văn Quỳnh

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

Số: 867 /2023/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ RESULTS	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, C _{max} =C) ⁽¹⁾
				11141490	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,62	5,5-9
2	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	3,4	50
3	COD	SMEWW 5220B&C:2023	mg/l	18,0	150
4	Chất rắn lơ lửng	SMEWW 2540D:2023	mg/l	12,0	100
5	Asen	SMEWW 3114B:2023 MDL = 0,0032mg/l	mg/l	ND	0,1
6	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2023 MDL = 0,00032mg/l	mg/l	ND	0,01
7	Chì	SMEWW 3113B:2023 MDL = 0,0033mg/l	mg/l	ND	0,5
8	Cadimi	SMEWW 3113B:2023 MDL = 0,0015 mg/l	mg/l	ND	0,1
9	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	0,42	10
10	Tổng nitơ	TCVN 6638:2000	mg/l	8,1	40
11	Tổng photpho (tính theo P)	SMEWW 4500P.B&E:2023	mg/l	0,63	6
12	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100ml	490	5x10 ³

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- ND: Không phát hiện/ Not detected.
- ⁽¹⁾ QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp/ National technical regulation industrial waste water.

(*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM



BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2024/KOPT-VCNM

- Tên/ký hiệu mẫu: không khí
- Nơi lấy mẫu: Công ty Cổ phần Thương mại và sản xuất Ban Mai
- Địa chỉ lấy mẫu: số 125/109 Trường Chinh, phường Lâm Hà, quận Kiến An, Hải Phòng.
- Số lượng: 01
- Loại mẫu: Mẫu không khí
- Ngày lấy mẫu: 04/03/2024
- Phương pháp lấy mẫu/bảo quản mẫu: QCVN 46:2017/BTNMT, TCVN 5067-1995, CNM/SOP-HT-LM.02, TCVN 6137-2009, TCVN 5971-1995,
- Thời gian phân tích: 04-11/3/2024 Ngày trả kết quả: 11/3/2024
- Kết quả phân tích:

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả KKKQ	QCVN 05:2013/BTN MT
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2017/BTNMT	27,1	-
2	Độ ẩm	%		78,5	-
3	Tốc độ gió	m/s	CNM/SOP-HT-KK.01	1,5	-
4	Tiếng ồn	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 7878-2:2010	60,3	70 ⁽¹⁾
5	Bụi	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5067-1995	91	300
6	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	CNM/SOP-HT-LM.02	<2.500	30.000
7	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5971-1995	70	350
8	NO _x	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 6137-2009	62	200

Ghi chú: - Thời điểm quan trắc Cơ sở đang hoạt động bình thường

- KK: Không khí khu vực trung tâm dự án (Tọa độ 20° 83' 26" N; 106° 66' 53" E)

Quy chuẩn so sánh:

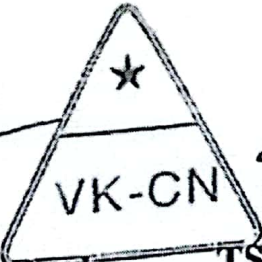
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- (1) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

ĐẠI DIỆN TNV

KIỂM SOÁT ĐL - CL

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ






ThS. Đoàn Công Danh

TS. Nguyễn Văn Huống

PGS.TS Nguyễn Văn Hoàng

Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 10 ngày tính từ lúc trả kết quả
Tuyệt đối không được sao chép một phần hoặc toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ mới
Trụ sở chính: 17 Hoàng Sâm, Nakhon Phanom, Cầu Giấy, Hà Nội; Chi nhánh: Số 91 Lê Lợi, Phường Lê Lợi, Quận Lê Lợi, Hà Nội; ĐT: 020516291 Email: 02427019710

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2024/KQPT-VCNM



- Tên/ký hiệu mẫu: NM
- Nơi lấy mẫu: Công ty Cổ phần Thương mại và sản xuất Ban Mai
- Địa chỉ lấy mẫu: số 125/109 Trường Chinh, phường Lâm Hà, quận Kiến An, Hải Phòng.
- Số lượng: 01
- Loại mẫu: Mẫu nước mặt
- Ngày lấy mẫu: 04/03/2024
- Phương pháp lấy mẫu/ bảo quản mẫu: TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995
- Thời gian phân tích: 04-11/3/2024 Ngày trả kết quả: 11/3/2024
- Kết quả phân tích:

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả NM	QCVN 08:2023/ BTNMT Bảng 2 Mức B
1	pH	-	TCVN 6492-2011	7,1	6-8,5
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	4,5	≤6
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625-2000	36	≤100
4	DO	mg/L	TCVN 7925-2018	5	≥5
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	10	≤15
8	Tổng Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	4.300	≤5000

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
- NM: Mẫu nước mặt tại sông Lạch Tray nơi tiếp nhận nước thải của cơ sở (Tọa độ: 20°83'36.8"N 106°66'72"E)

ĐẠI DIỆN TNV

KIỂM SOÁT ĐL - CL

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ThS. Đoàn Công Danh

TS. Nguyễn Văn Huống

PGS.TS Nguyễn Văn Hoàng

Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử. Thời gian lưu mẫu 10 ngày tính từ lúc trả kết quả
Tuyệt đối không được sao chép một phần hoặc toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ mới
Trụ sở chính: 17 Hoàng Sâm, Nghĩe Đa, Cầu Giấy, Hà Nội; Chi nhánh: Số 9 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Kiến An, Hải Phòng;ĐT: 060516291 Fax: 02427010730